

VIỆN HÀN LÂM KHOA HỌC XÃ HỘI VIỆT NAM

HỌC VIỆN KHOA HỌC XÃ HỘI

=====

NGUYỄN QUỐC HÙNG

**KIỂM SOÁT QUYỀN LỰC TƯ PHÁP
TRONG NHÀ NƯỚC PHÁP QUYỀN XÃ HỘI CHỦ NGHĨA
VIỆT NAM**

LUẬN ÁN TIẾN SĨ LUẬT HỌC

HÀ NỘI - NĂM 2016

VIỆN HÀN LÂM KHOA HỌC XÃ HỘI VIỆT NAM

HỌC VIỆN KHOA HỌC XÃ HỘI

=====

NGUYỄN QUỐC HÙNG

**KIỂM SOÁT QUYỀN LỰC TƯ PHÁP
TRONG NHÀ NƯỚC PHÁP QUYỀN XÃ HỘI CHỦ NGHĨA
VIỆT NAM**

Chuyên ngành: Luật Hiến pháp và Luật Hành chính

Mã số : 62 38 01 02

Người hướng dẫn khoa học: GS.TS. Võ Khánh Vinh

HÀ NỘI - NĂM 2016

LỜI CAM ĐOAN

Tôi xin cam đoan luận án là công trình nghiên cứu của riêng tôi. Các kết quả nêu trong luận án là trung thực, đảm bảo độ chuẩn xác. Các số liệu, thông tin, tài liệu tham khảo trong luận án có xuất xứ rõ ràng, được trích dẫn đầy đủ.

Tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm về công trình nghiên cứu của mình.

Tác giả luận án

Nguyễn Quốc Hùng

MỤC LỤC

Trang

MỞ ĐẦU	1
CHƯƠNG 1. TỔNG QUAN TÌNH HÌNH NGHIÊN CỨU VÀ NHỮNG VẤN ĐỀ ĐẶT RA CẦN NGHIÊN CỨU	8
1.1. Tổng quan tình hình nghiên cứu đề tài luận án	8
1.2. Những vấn đề đặt ra liên quan đến chủ đề luận án	29
CHƯƠNG 2. NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VỀ KIỂM SOÁT QUYỀN LỰC TƯ PHÁP TRONG NHÀ NƯỚC PHÁP QUYỀN XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM.....	33
2.1. Khái niệm, đặc điểm, tính tất yếu của kiểm soát quyền lực tư pháp trong Nhà nước pháp quyền	33
2.2. Nội dung và cơ chế kiểm soát quyền lực tư pháp trong Nhà nước pháp quyền	51
2.3. Tính đặc thù của kiểm soát quyền lực tư pháp trong Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam.....	66
2.4. Các yếu tố ảnh hưởng đến kiểm soát quyền lực tư pháp trong Nhà nước pháp quyền	71
CHƯƠNG 3. THỰC TRẠNG KIỂM SOÁT QUYỀN LỰC TƯ PHÁP TRONG NHÀ NƯỚC PHÁP QUYỀN XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM	78
3.1. Quá trình phát triển tư duy, nhận thức về kiểm soát quyền lực tư pháp trong Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam	78
3.2. Thực trạng pháp luật về kiểm soát quyền lực tư pháp trong Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam.....	83
3.3. Thực tiễn kiểm soát quyền lực tư pháp trong Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam hiện nay.....	98
CHƯƠNG 4. QUAN ĐIỂM VÀ GIẢI PHÁP BẢO ĐẢM KIỂM SOÁT QUYỀN LỰC TƯ PHÁP TRONG NHÀ NƯỚC PHÁP QUYỀN XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM	122
4.1. Quan điểm bảo đảm kiểm soát quyền lực tư pháp trong Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam.....	122
4.2. Giải pháp bảo đảm kiểm soát quyền lực tư pháp trong Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam.....	128
KẾT LUẬN	153
DANH MỤC CÔNG TRÌNH NGHIÊN CỨU CỦA TÁC GIẢ ĐÃ CÔNG BỐ LIÊN QUAN ĐẾN LUẬN ÁN.....	155
DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO	156

DANH MỤC TỪ VIẾT TẮT

Chữ viết tắt	Chữ viết đầy đủ
CP	Chính phủ
HĐND	Hội đồng nhân dân
KSQL	Kiểm soát quyền lực
QH	Quốc hội
QLNN	Quyền lực nhà nước
QLTP	Quyền lực tư pháp
MTTQ	Mặt trận Tổ quốc Việt Nam
NNPQ	Nhà nước pháp quyền
TAND	Tòa án nhân dân
XHCN	Xã hội chủ nghĩa
VKSND	Viện Kiểm sát nhân dân

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài

Tư tưởng phân quyền được các nhà triết học đặt ra từ thời La Mã cổ đại và phát triển hoàn thiện ở thời kỳ Khai sáng với sự ra đời của thuyết tam quyền phân lập.

Nội dung cốt lõi của học thuyết này cho rằng, QLNN luôn có xu hướng tự mở rộng, tự tăng cường vai trò của mình, dần dần xuất hiện xu thế lạm quyền, chuyên quyền trong việc thực thi QLNN. Do vậy, để đảm bảo các quyền tự do cơ bản của công dân được thực thi, ngăn ngừa hành vi lạm quyền của các chủ thể nắm giữ quyền lực, cần phải thiết lập cơ chế nhằm giới hạn quyền lực của các cơ quan nhà nước. Theo đó, thuyết tam quyền phân lập đề cao phương án giới hạn quyền lực của các nhánh quyền lực bằng công cụ pháp lý thông qua việc phân chia thành các nhánh lập pháp, hành pháp và tư pháp, làm cho các nhánh quyền lực này chỉ được phép hoạt động trong phạm vi quy định của pháp luật. Trên thực tế, sự phân chia này không chỉ nhằm chuyên môn hoá các quyền mà còn tạo ra cơ chế giám sát, chế ước lẫn nhau giữa các nhánh quyền lực, tạo nên sự cân bằng về quyền lực giữa các cơ quan công quyền.

Trải qua các thời kỳ lịch sử, mặc dù còn những hạn chế nhất định nhưng tinh thần của học thuyết tam quyền phân lập về sự phân công và KSQL vẫn được các quốc gia theo các thể chế chính trị khác nhau kế thừa và phát triển.

Ở Việt Nam, cơ chế kiểm soát giữa các cơ quan nhà nước trong việc thực hiện các quyền lập pháp, hành pháp và tư pháp được đặt ra trực tiếp và cụ thể trong Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội (Bổ sung, phát triển năm 2011). Cương lĩnh khẳng định: *“Nhà nước ta là Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân. Tất cả quyền lực nhà nước thuộc về nhân dân mà nền tảng là liên minh giữa giai cấp công nhân với giai cấp nông dân và đội ngũ trí thức, do Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo. Quyền lực nhà nước là thống nhất, có sự phân công, phối hợp và kiểm soát giữa các cơ quan trong việc thực hiện các quyền lập pháp, hành pháp và tư pháp”*.

Thể chế hóa quan điểm, đường lối của Đảng trong quyết sách chính trị nêu trên, Hiến pháp năm 2013 đã quy định tại Khoản 3, Điều 2: *“Quyền lực nhà nước là thống nhất, có sự phân công, phối hợp, kiểm soát giữa các cơ quan nhà nước trong việc thực hiện các quyền lập pháp, hành pháp, tư pháp”*. Trong các bước

tiền của hoạt động lập pháp, chúng ta cũng đã xây dựng được nhiều cơ chế để kiểm soát QLNN nói chung, kiểm soát QLTP nói riêng.

Như vậy, trên phương diện chính trị - pháp lý, chúng ta thừa nhận không có một phạm vi QLNN nào lại không chịu sự kiểm soát. Ngay đối với QLTP vốn là phạm vi quyền lực có tính độc lập cao để bảo đảm tự do của người dân, hiệu quả và hiệu lực trong hoạt động xét xử nói riêng và thực hiện QLNN nói chung nhưng nó luôn phải đặt trong nhu cầu tiết chế, kiểm soát chặt chẽ. Độc lập tư pháp là một công cụ để đạt đến những mục đích trong thực thi quyền lực. Xét ở góc độ này, công cụ nào cũng có một giới hạn và được xác định bởi mục đích của việc sử dụng nó. Nói cách khác, sẽ không tồn tại một công cụ hoàn hảo và độc lập tư pháp một cách tuyệt đối cũng sẽ chất chứa nhiều nhược điểm. Để khắc phục, giải pháp chung của tất cả các quốc gia là ràng buộc cho tư pháp những nghĩa vụ pháp lý nghiêm ngặt. Nói cách khác, tư pháp chỉ được độc lập trong khuôn khổ pháp luật. Để thực hiện những quy định ràng buộc đối với tư pháp, chắc chắn sẽ cần đến những cơ chế kiểm tra, giám sát.

Tuy nhiên, hiện nay vẫn đang tồn tại khá nhiều vướng mắc, bất cập trên phương diện nhận thức lý luận về kiểm soát QLTP trong NN PQ XHCN Việt Nam. Kiểm soát QLTP có phải là một tất yếu khách quan? Kiểm soát QLTP có mâu thuẫn với tính độc lập của tư pháp – một nguyên lý được đấu tranh bảo vệ, ca tụng và ngưỡng mộ trong mọi trường phái luật học suốt vài thế kỷ qua? Cơ chế nào để kiểm soát QLTP một cách hữu hiệu trong bối cảnh thể chế chính trị Việt Nam? Các yếu tố nào đảm bảo hiệu kiểm soát QLTP?... Rất nhiều điểm liên quan đến những vấn đề nói trên chưa được nhận thức rõ hoặc còn nhiều tranh luận.

Đồng thời, về mặt pháp lý, mặc dù kiểm soát QLNN là một nội dung đã được quy định trong nguyên tắc tổ chức và hoạt động của NN PQ XHCN Việt Nam và có ý nghĩa định hướng cho việc triển khai tổ chức QLNN trong thực tiễn nhưng vẫn còn tồn tại khoảng trống pháp lý quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành các quy định về cơ chế, phương thức kiểm soát QLNN. Vì vậy, rất cần có các quy định cụ thể về phạm vi, ranh giới, mối quan hệ giữa các cơ quan nhà nước thực hiện chức năng lập pháp, hành pháp, tư pháp; quy định về cơ chế kiểm soát giữa các cơ quan thực hiện chức năng lập pháp – hành pháp, lập pháp – tư pháp, hành pháp – tư pháp thông qua các quyền hạn và nhiệm vụ, trình tự, thủ tục cụ thể.

Tình hình nói trên cho thấy việc triển khai nghiên cứu các khía cạnh lý luận và thực tiễn liên quan đến kiểm soát QLNN nói chung, kiểm soát QLTP nói riêng

trong NNPQ XHCN Việt Nam đang được đặt ra một cách cấp bách. Trong bối cảnh đó, NCS đã quyết định lựa chọn chủ đề “***Kiểm soát quyền lực tư pháp trong nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam***” để triển khai nghiên cứu trong quy mô luận án tiến sĩ luật học với mong muốn góp phần giải mã một cách toàn diện và có hệ thống các nội dung liên quan đến chủ đề được lựa chọn.

2. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu

2.1. Mục đích nghiên cứu

Mục đích tổng quát của luận án là nhằm xây dựng các luận cứ khoa học cho việc đề xuất một hệ thống giải pháp nhằm bảo đảm kiểm soát QLTP trong NNPQ XHCN Việt Nam một cách hợp lý và hiệu quả.

2.2. Nhiệm vụ nghiên cứu

- Hệ thống hóa nhận thức lý luận về tổ chức QLNN và kiểm soát QLNN trong NNPQ. Trên cơ sở đó làm sáng tỏ những vấn đề lý luận cơ bản về kiểm soát QLTP trong NNPQ và chỉ ra tính đặc thù của kiểm soát QLTP trong NNPQ XHCN Việt Nam.

- Tìm hiểu, đưa ra những ý kiến đánh giá thực trạng pháp luật và thực tiễn kiểm soát QLTP, trạng thái hiện thực của các yếu tố tác động tới kiểm soát QLTP trong NNPQ XHCN Việt Nam. Xác định rõ những ưu điểm, hạn chế trong sự vận hành của các cơ chế kiểm soát QLTP ở Việt Nam cũng như những nguyên nhân của những ưu điểm và hạn chế đó.

- Phát hiện yêu cầu nâng cao hiệu quả kiểm soát QLTP trong quá trình tiếp tục xây dựng NNPQ XHCN Việt Nam và tập trung xác định các quan điểm nâng cao hiệu quả kiểm soát QLTP ở Việt Nam trong giai đoạn hiện nay.

- Đề xuất hệ thống các giải pháp nâng cao hiệu quả kiểm soát QLTP trong NNPQ XHCN Việt Nam.

3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu đề tài

3.1. Đối tượng nghiên cứu

- Các quan điểm khoa học liên quan đến kiểm soát QLTP trong NNPQ.
- Các quy định của Hiến pháp và pháp luật Việt Nam về kiểm soát QLNN nói chung, kiểm soát QLTP nói riêng.
- Thực tiễn vận hành của mô hình kiểm soát QLTP ở Việt Nam hiện nay.
- Mô hình kiểm soát QLTP ở một số nước trên thế giới.

3.2. Phạm vi nghiên cứu

- *Phạm vi nội dung:* kiểm soát QLTP trong NNPQ XHCN Việt Nam là một chủ đề rất rộng, bao quát nhiều vấn đề lý luận và thực tiễn quan trọng. Trong khuôn khổ quy mô của luận án tiến sĩ luật học, luận án tập trung làm sáng tỏ các khía cạnh lý luận, pháp lý về kiểm soát QLTP và thực tiễn vận hành của các cơ chế kiểm soát QLTP trong quá trình xây dựng, hoàn thiện NNPQ XHCN Việt Nam, từ đó đề xuất các giải pháp nâng cao hiệu quả kiểm soát QLTP ở Việt Nam hiện nay.

- *Phạm vi không gian:* Đề tài triển khai trên phạm vi toàn quốc, tập trung ở Trung ương. Đề tài có triển khai nghiên cứu so sánh với một số quốc gia khác trong các vấn đề có liên quan đến chủ đề nghiên cứu.

- *Phạm vi thời gian:* Đề tài nghiên cứu quá trình lịch sử của kiểm soát QLTP từ khi đổi mới đất nước (1986) đến nay (2016), trọng tâm là giai đoạn từ năm 2011 đến năm 2016.

4. Phương pháp luận và phương pháp nghiên cứu

4.1. Cách tiếp cận và phương pháp luận

Để đảm bảo tính khoa học và tính chính trị của kết quả nghiên cứu, luận án dựa trên cơ sở lý luận sau:

- Các quan điểm của chủ nghĩa Mác – Lênin về quyền lực nhân dân, quyền con người, về nhà nước và pháp luật và về mối quan hệ giữa nhân dân với nhà nước trong các thể chế chính trị khác nhau.

- Tư tưởng Hồ Chí Minh về dân chủ và tính chất phục vụ của nhà nước, đặc biệt là các quan điểm của Người trong xây dựng và hoàn thiện pháp luật dân chủ, tổ chức bộ máy nhà nước và kiểm soát hoạt động của bộ máy nhà nước, đảm bảo quyền làm chủ của người dân.

- Quan điểm và chính sách của Đảng và Nhà nước Việt Nam thể hiện cách nhìn nhận các vấn đề liên quan đến quyền lực nhân dân, quyền con người và quyền công dân, xây dựng NNPQ XHCN, nguyên tắc phân công, phối hợp và kiểm soát QLNN trong NNPQ XHCN Việt Nam, tính độc lập của tư pháp và nhu cầu kiểm soát QLTP trong NNPQ XHCN Việt Nam.

- Nguyên lý chủ quyền nhân dân, quyền con người, tổ chức và kiểm soát QLNN trong một số học thuyết hiện đại đang được áp dụng phổ biến ở nhiều quốc

gia trên thế giới hiện nay (Học thuyết kế ước xã hội, Học thuyết phân quyền, Lý thuyết về quyền con người...)

- Lý thuyết xã hội học pháp luật và Luật học so sánh.

4.2. Phương pháp nghiên cứu

Luận án áp dụng tổng hợp nhiều phương pháp nghiên cứu cụ thể nhằm làm sáng tỏ các luận điểm nghiên cứu:

- *Phương pháp đa ngành, liên ngành khoa học xã hội và liên ngành luật học*: được sử dụng trong toàn bộ luận án để luận chứng các khía cạnh phức tạp, đa chiều thuộc chủ đề nghiên cứu.

- *Phương pháp phân tích, tổng hợp*: được sử dụng bao quát trong tất cả các chương, mục của luận án để phát hiện, luận giải thuyết phục về các nội dung liên quan đến chủ đề luận án.

- *Phương pháp cấu trúc hệ thống*: được sử dụng chủ yếu trong chương 2 và 3 của luận án nhằm nhận diện và đánh giá tính hợp lý và hiệu quả của kiểm soát QLTP trong mối liên hệ với toàn bộ cơ chế tổ chức và kiểm soát QLNN trong NNPQ XHCN Việt Nam.

- *Phương pháp luật học so sánh*: được sử dụng chủ yếu trong chương 2 và 4 của luận án để làm sáng tỏ các mô hình pháp lý về kiểm soát QLNN trên thế giới và những giá trị tham khảo cho Việt Nam.

- *Phương pháp thống kê*: được sử dụng trong chương 1 và 3 của luận án nhằm tập hợp, đánh giá tình hình nghiên cứu liên quan đến đề tài và thực trạng kiểm soát QLTP trong NNPQ XHCN Việt Nam hiện nay.

- *Phương pháp xã hội học pháp luật*: được sử dụng trong chương 2, 3, 4 của luận án nhằm tìm hiểu mối liên hệ nền tảng của kiểm soát QLTP trong NNPQ XHCN Việt Nam.

- *Phương pháp lịch sử*: được sử dụng chủ yếu trong chương 3 nhằm nhận diện các đặc điểm và các bước tiến trong nhận thức về kiểm soát QLNN ở nước ta.

5. Đóng góp mới về mặt khoa học của luận án

Thứ nhất, luận án hệ thống hóa các quan điểm khoa học về NNPQ, về tất yếu của KSQL trong NNPQ, về QLTP và nhu cầu kiểm soát QLTP trong NNPQ. Trên cơ sở đó, luận án xác định khái niệm, đặc điểm, vai trò, nội dung và các cơ chế kiểm soát QLTP trong NNPQ, chỉ rõ tính đặc thù của kiểm soát QLTP trong NNPQ XHCN Việt Nam, nêu và lập luận về các yếu tố tác động đến kiểm soát